



QUYẾT ĐỊNH

Về việc Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp cho sinh viên
trình độ Đại học - Đợt 5-Tháng 12/2022

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Quyết định số 168/2006/QĐ-TTg, ngày 17/07/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Hàng không Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 2321/QĐ-BGTVT ngày 30 tháng 10 năm 2006 của Bộ Giao thông Vận tải về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Học viện Hàng không Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 663/QĐ-HVHKVN-ĐT ngày 17/9/2014 của Giám đốc Học viện Hàng không Việt Nam về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học theo học chế tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 36/QĐ-BGDĐT ngày 28/06/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hình thức vừa làm vừa học;

Căn cứ Quyết định số 454/QĐ-HVHK ngày 01/06/2017 của Giám đốc Học viện Hàng không Việt Nam về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học vừa làm vừa học theo học chế tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 829/QĐ-HVHKVN ngày 23/09/2019 của Giám đốc Học viện Hàng không Việt Nam về việc ban hành quy định về công nhận kết quả miễn, chuyển điểm học phần tại Học viện Hàng không Việt Nam;

Căn cứ biên bản xét tốt nghiệp ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng xét tốt nghiệp;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp 70 (Bảy mươi) bằng Cử nhân Quản trị kinh doanh, 14 (Mười bốn) bằng Kỹ sư Quản lý hoạt động bay, 17 (Mười bảy) bằng Kỹ sư Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông, 20 (Hai mươi) bằng Kỹ sư Kỹ thuật Hàng không cho các sinh viên tốt nghiệp trình độ Đại học - Đợt 5-Tháng 12/2022 (Theo danh sách đính kèm).



Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Phòng Đào tạo, các Khoa, đơn vị có liên quan và các sinh viên có tên trong danh sách tại điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận: 

-Như điều 2;

-Lưu VT,ĐT


KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
TS. Nguyễn Thanh Dũng



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN VÀ CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC - ĐỢT 05-Tháng 12/2022**

(Đính kèm quyết định số: 1190/QĐ-HVHKVN ngày 30/12/2022)

Số TT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Lớp học	Điểm TN	Xếp loại	Ghi chú
1	1753020025	Trần Huy	Hiển	23/12/1999	17ĐHĐT01	2.42	Trung bình	Công nghệ KT điện tử - viễn thông
2	1753020019	Ka Tơ	Linh	05/03/1999	17ĐHĐT01	2.89	Khá	Công nghệ KT điện tử - viễn thông
3	1753020048	Nguyễn Hoàng	Phát	09/12/1999	17ĐHĐT01	2.72	Khá	Công nghệ KT điện tử - viễn thông
4	1753020081	Nguyễn Thị Kim	Anh	06/05/1999	17ĐHĐT02	2.68	Khá	Công nghệ KT điện tử - viễn thông
5	1853020027	Nguyễn Minh	Hiếu	03/05/2000	18ĐHĐT01	2.96	Khá	Công nghệ KT điện tử - viễn thông
6	1853020014	Nguyễn Hoàng	Khánh	29/10/2000	18ĐHĐT01	2.82	Khá	Công nghệ KT điện tử - viễn thông
7	1853020004	Trần Văn	Quang	01/09/2000	18ĐHĐT01	2.81	Khá	Công nghệ KT điện tử - viễn thông
8	1853020019	Trần Quang	Thịnh	21/04/2000	18ĐHĐT01	2.55	Khá	Công nghệ KT điện tử - viễn thông
9	1853020001	Nguyễn Trung	Vĩnh	22/06/2000	18ĐHĐT01	2.55	Khá	Công nghệ KT điện tử - viễn thông
10	1853020020	Nguyễn Trúc	Vy	20/10/2000	18ĐHĐT01	2.8	Khá	Công nghệ KT điện tử - viễn thông
11	1853020042	Trần Thúy	Hằng	05/04/2000	18ĐHĐT02	2.89	Khá	Công nghệ KT điện tử - viễn thông
12	1853020060	Trịnh Thị Hồng	Hạnh	24/10/2000	18ĐHĐT02	2.85	Khá	Công nghệ KT điện tử - viễn thông
13	1853020069	Hoàng Lê Anh	Khôi	08/01/2000	18ĐHĐT02	3.02	Khá	Công nghệ KT điện tử - viễn thông



Số TT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Lớp học	Điểm TN	Xếp loại	Ghi chú
								viễn thông
14	1853020056	Lê Trung	Nam	14/08/2000	18ĐHĐT02	2.95	Khá	Công nghệ KT điện tử - viễn thông
15	1753020066	Đinh Tiến	Phát	26/02/1999	18ĐHĐT02	2.55	Khá	Công nghệ KT điện tử - viễn thông
16	1653020016	Phan Di	Đan	12/07/1998	ĐV1-K10	2.02	Trung bình	Công nghệ KT điện tử - viễn thông
17	1453020113	Nguyễn Thị Thu	Loan	23/08/1996	ĐV1-K9	2.59	Khá	Công nghệ KT điện tử - viễn thông
18	1751200059	Huỳnh Thế	Khang	28/08/1999	17ĐHKT01	2.93	Khá	Kỹ thuật Hàng không
19	1751200051	Lê Đức Ngọc	Nam	20/06/1999	17ĐHKT01	3.02	Khá	Kỹ thuật Hàng không
20	1751200024	Bùi Võ Ngọc Quế	Trân	18/08/1999	17ĐHKT01	2.78	Khá	Kỹ thuật Hàng không
21	1851200033	Nguyễn An	Bình	20/10/2000	18ĐHKT01	3.35	Giỏi	Kỹ thuật Hàng không
22	1851200003	Trần Gia	Bình	29/03/2000	18ĐHKT01	3.26	Giỏi	Kỹ thuật Hàng không
23	1851200047	Trần Trung	Hiếu	06/06/2000	18ĐHKT01	3.39	Giỏi	Kỹ thuật Hàng không
24	1851200007	Vũ Trung	Hiếu	21/10/2000	18ĐHKT01	3.12	Khá	Kỹ thuật Hàng không
25	1851200049	Nguyễn Thị	Hường	21/01/2000	18ĐHKT01	3.61	Xuất sắc	Kỹ thuật Hàng không
26	1851200010	Trần	Linh	02/11/2000	18ĐHKT01	2.89	Khá	Kỹ thuật Hàng không
27	1851200016	Huỳnh Hoàng	Long	09/10/2000	18ĐHKT01	3.08	Khá	Kỹ thuật Hàng không
28	1851200022	Bùi Tấn	Phát	27/04/2000	18ĐHKT01	2.54	Khá	Kỹ thuật Hàng không
29	1851200011	Nguyễn Hữu	Phong	10/11/2000	18ĐHKT01	3.56	Giỏi	Kỹ thuật Hàng không
30	1851200021	Lê Phan Hoài	Phúc	11/01/2000	18ĐHKT01	3.68	Xuất sắc	Kỹ thuật Hàng không
31	1851200006	Trang Thanh	Tân	19/05/2000	18ĐHKT01	2.76	Khá	Kỹ thuật Hàng không
32	1851200048	Nguyễn Đình	Thắng	22/07/1998	18ĐHKT01	3.75	Xuất sắc	Kỹ thuật Hàng không
33	1851200024	Nguyễn Trí	Thức	22/05/2000	18ĐHKT01	3.44	Giỏi	Kỹ thuật Hàng không
34	1851200029	Nguyễn Lê	Toàn	03/08/2000	18ĐHKT01	2.99	Khá	Kỹ thuật Hàng không
35	1851200036	Phạm Đức	Trụ	26/10/2000	18ĐHKT01	3.47	Giỏi	Kỹ thuật Hàng không
36	1851200015	Nguyễn Ngọc Liên	Tường	09/01/2000	18ĐHKT01	2.78	Khá	Kỹ thuật Hàng không
37	1851200019	Phạm Trần Đức	Vĩnh	21/11/2000	18ĐHKT01	3.17	Khá	Kỹ thuật Hàng không
38	1736060020	Lê Thị Thùy	Dung	02/03/1988	17ĐVKL01 - Quản lý hoạt động	3.15	Khá	Quản lý hoạt động bay

Số TT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Lớp học	Điểm TN	Xếp loại	Ghi chú
					bay VLVH			
39	1856060040	Nguyễn Quỳnh	Anh	25/09/2000	18ĐHKL01	3.68	Xuất sắc	Quản lý hoạt động bay
40	1856060001	Nguyễn Đình	Chí	08/04/1999	18ĐHKL01	3.7	Xuất sắc	Quản lý hoạt động bay
41	1856060043	Lê Huỳnh Nguyệt	Hà	05/05/2000	18ĐHKL01	3.61	Xuất sắc	Quản lý hoạt động bay
42	1856060007	Trần Đức	Hoàng	27/05/2000	18ĐHKL01	3.4	Giỏi	Quản lý hoạt động bay
43	1856060014	Trương Quang	Huy	20/11/2000	18ĐHKL01	3.52	Giỏi	Quản lý hoạt động bay
44	1856060006	Võ Thế	Huy	24/09/2000	18ĐHKL01	3.31	Giỏi	Quản lý hoạt động bay
45	1856060011	Nguyễn Trần Thành	Luân	03/10/2000	18ĐHKL01	2.96	Khá	Quản lý hoạt động bay
46	1856060015	Nguyễn Thị Hồng	Nhi	06/10/2000	18ĐHKL01	3.84	Xuất sắc	Quản lý hoạt động bay
47	1856060049	Nai	Rachna	15/12/1998	18ĐHKL01	2.57	Khá	Quản lý hoạt động bay
48	1856060038	Nguyễn Thị	Thúy	07/02/2000	18ĐHKL01	3.7	Xuất sắc	Quản lý hoạt động bay
49	1856060020	Nguyễn Văn	Tý	01/01/2000	18ĐHKL01	3.43	Giỏi	Quản lý hoạt động bay
50	1856060022	Đinh Thị Trường	Vi	03/07/2000	18ĐHKL01	3.86	Xuất sắc	Quản lý hoạt động bay
51	1856060050	Nguon	Vutha	07/04/1998	18ĐHKL01	2.23	Trung bình	Quản lý hoạt động bay
52	1751010237	Vũ Thị	Hằng	05/09/1999	17ĐHQTC	2.84	Khá	Quản trị kinh doanh
53	1751010123	Nguyễn Văn	Thuận	14/09/1997	17ĐHQTC	2.58	Khá	Quản trị kinh doanh
54	1751010398	Nguyễn Lê Nguyệt	Thủy	05/12/1999	17ĐHQTDL	2.88	Khá	Quản trị kinh doanh
55	1751010070	Đoàn Thị Phương	Tuyền	22/04/1999	17ĐHQTDL	2.61	Khá	Quản trị kinh doanh
56	1751010264	Võ Hoàng	Lộc	21/12/1999	17ĐHQTVT3	2.83	Khá	Quản trị kinh doanh
57	1751010238	Nguyễn Thị Kim	Oanh	16/02/1999	17ĐHQTVT3	2.79	Khá	Quản trị kinh doanh
58	1751010339	Ngô Ánh	Linh	28/08/1999	17ĐHQTVT4	3.11	Khá	Quản trị kinh doanh
59	1731010018	Lê Thị Hồng	Việt	23/09/1980	17ĐVQT01 - Quản trị kinh doanh VLVH	3.04	Khá	Quản trị kinh doanh
60	1851010006	Huỳnh Tuấn	Anh	11/05/2000	18ĐHQTC1	2.95	Khá	Quản trị kinh doanh
61	1851010172	Nguyễn Thị Ngọc	Diễn	23/03/2000	18ĐHQTC1	2.89	Khá	Quản trị kinh doanh
62	1851010109	Phan Thị Ngọc	Tuyền	06/02/2000	18ĐHQTC1	2.73	Khá	Quản trị kinh doanh
63	1851010346	Hà Thị Ngọc	Bình	27/05/2000	18ĐHQTC2	2.72	Khá	Quản trị kinh doanh
64	1851010257	Nguyễn Anh	Thư	29/01/2000	18ĐHQTC2	3.04	Khá	Quản trị kinh doanh
65	1851010308	Nguyễn Hoàng	Anh	22/06/2000	18ĐHQTDL	3.02	Khá	Quản trị kinh doanh

Số TT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Lớp học	Điểm TN	Xếp loại	Ghi chú
66	1851010252	Vũ Thị Phương	Anh	25/04/2000	18ĐHQTDL	2.67	Khá	Quản trị kinh doanh
67	1851010180	Lý Huỳnh Ngọc	Châu	06/07/2000	18ĐHQTDL	2.63	Khá	Quản trị kinh doanh
68	1851010315	Lê Tài Tường	Vy	11/02/2000	18ĐHQTDL	3	Khá	Quản trị kinh doanh
69	1851010059	Phạm Hải	Anh	14/10/2000	18ĐHQTVT1	2.72	Khá	Quản trị kinh doanh
70	1751010451	Nguyễn Ý	Liên	24/10/1999	18ĐHQTVT1	3.02	Khá	Quản trị kinh doanh
71	1851010051	Tô Thanh	Tuyền	29/10/2000	18ĐHQTVT1	2.61	Khá	Quản trị kinh doanh
72	1851010071	Nguyễn Thị Ngọc	Quyên	21/11/2000	18ĐHQTVT2	2.97	Khá	Quản trị kinh doanh
73	1851010083	Ngô Như	Quỳnh	15/08/2000	18ĐHQTVT2	3.11	Khá	Quản trị kinh doanh
74	1851010155	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	11/11/2000	18ĐHQTVT3	2.89	Khá	Quản trị kinh doanh
75	1851010360	Trần Bảo	Chăm	15/04/2000	18ĐHQTVT3	3.02	Khá	Quản trị kinh doanh
76	1851010178	Hồ Thị Thanh	Hạ	14/05/2000	18ĐHQTVT3	3.11	Khá	Quản trị kinh doanh
77	1851010170	Nguyễn Văn	Tường	02/07/2000	18ĐHQTVT3	2.52	Khá	Quản trị kinh doanh
78	1651010299	Lê Thị Thùy	Dung	27/02/1998	QTDL1-K10	2.6	Khá	Quản trị kinh doanh
79	1651010286	Phạm Thị	Sang	28/06/1998	QTDL1-K10	2.82	Khá	Quản trị kinh doanh
80	1651010239	Trần Hương	Trình	10/06/1998	QTDL1-K10	2.97	Khá	Quản trị kinh doanh
81	1551010221	Nguyễn Sĩ	Hùng	06/03/1997	QTDL1-K9	2.92	Khá	Quản trị kinh doanh
82	1651010045	Trần Kiều	Anh	20/08/1998	QTDL2-K10	2.29	Trung bình	Quản trị kinh doanh
83	1651010424	Vưu Tuyết	Nhung	25/04/1998	QTDL2-K10	2.42	Trung bình	Quản trị kinh doanh
84	1651010526	Nguyễn Ngọc	Quyên	03/11/1998	QTDL2-K10	2.36	Trung bình	Quản trị kinh doanh
85	1551010473	Trần Minh	Ngọc	04/12/1997	QTDL2-K9	2.73	Khá	Quản trị kinh doanh
86	1451010421	Thông Thị Kim	Huyền	11/01/1996	QTDL-K8	2.49	Trung bình	Quản trị kinh doanh
87	1451010034	Lương Trần Ngọc	Linh	15/02/1996	QTDL-K8	2.52	Khá	Quản trị kinh doanh
88	1451010025	Mai Thị Hồng	Mi	19/03/1996	QTDL-K8	2.51	Khá	Quản trị kinh doanh
89	1551010273	Trần Thị Lan	Phương	02/01/1997	QTKDCHK1-K9	2.04	Trung bình	Quản trị kinh doanh
90	1551010173	Nguyễn Xuân Hà	Thanh	15/11/1997	QTKDCHK1-K9	2.63	Khá	Quản trị kinh doanh
91	1551010298	Trần Triết	Giang	01/11/1997	QTKDCHK2-K9	2.03	Trung bình	Quản trị kinh doanh
92	1651010109	Dương Thị Hà	Phương	15/04/1998	QTKDTH1-K10	2.35	Trung bình	Quản trị kinh doanh
93	1651010253	Phạm Diệu	Thu	15/11/1998	QTKDTH1-K10	2.39	Trung bình	Quản trị kinh doanh
94	1651010410	Lê Thị	Diệu	24/02/1998	QTKDTH2-K10	2.83	Khá	Quản trị kinh doanh
95	1551010321	Huỳnh Nguyên	Cầm	07/04/1997	QTKDTH-K9	2.5	Khá	Quản trị kinh doanh

Số TT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Lớp học	Điểm TN	Xếp loại	Ghi chú
96	1551010500	Đỗ Thị Mỹ	Dung	05/08/1997	QTKDTH-K9	2.82	Khá	Quản trị kinh doanh
97	1551010038	Cao Tiến	Hiếu	09/05/1992	QTKDTH-K9	2.34	Trung bình	Quản trị kinh doanh
98	1551010318	Bùi Văn	Lộc	18/06/1997	QTKDTH-K9	2.32	Trung bình	Quản trị kinh doanh
99	1551010207	Đỗ Ngọc	Thái	10/05/1997	QTKDTH-K9	2.77	Khá	Quản trị kinh doanh
100	1551010037	Huỳnh Thị Kim	Thanh	20/01/1996	QTKDTH-K9	2.32	Trung bình	Quản trị kinh doanh
101	1551010286	Trần Huyền	Trần	04/09/1997	QTKDTH-K9	2.55	Khá	Quản trị kinh doanh
102	1551010083	Nguyễn Khánh	Trang	23/08/1997	QTKDTH-K9	2.7	Khá	Quản trị kinh doanh
103	1651010153	Lê Thị Phương	Giang	18/08/1998	QTKDVTHK1-K10	2.28	Trung bình	Quản trị kinh doanh
104	1651010141	Hồ Đức Nhật	Lâm	21/02/1998	QTKDVTHK1-K10	2.17	Trung bình	Quản trị kinh doanh
105	1651010175	Lê Thị Thu	Thảo	20/10/1998	QTKDVTHK1-K10	2.53	Khá	Quản trị kinh doanh
106	1651010190	Đỗ Thị Ngọc	Yên	07/02/1998	QTKDVTHK1-K10	2.71	Khá	Quản trị kinh doanh
107	1551010143	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	25/01/1997	QTKDVTHK1-K9	2.64	Khá	Quản trị kinh doanh
108	1651010336	Trà Thanh	Khiết	23/10/1998	QTKDVTHK2-K10	2.95	Khá	Quản trị kinh doanh
109	1651010313	Huỳnh Thị Kim	Ngân	02/08/1998	QTKDVTHK2-K10	2.44	Trung bình	Quản trị kinh doanh
110	1651010234	Phạm Thị Thanh	Tuyền	03/03/1998	QTKDVTHK2-K10	2.35	Trung bình	Quản trị kinh doanh
111	1551010190	Ngô Đình	Nguyên	28/10/1995	QTKDVTHK2-K9	2.04	Trung bình	Quản trị kinh doanh
112	1551010189	Cao Bá	Nguyễn	13/05/1997	QTKDVTHK2-K9	2.1	Trung bình	Quản trị kinh doanh
113	1551010252	Đỗ Ngọc Đoan	Trang	05/07/1997	QTKDVTHK2-K9	2.44	Trung bình	Quản trị kinh doanh
114	1651010337	Phan Đức	Tiếp	26/02/1998	QTKDVTHK3-K10	2.67	Khá	Quản trị kinh doanh
115	1551010398	Trần Tuấn	Anh	07/01/1997	QTKDVTHK3-	2.7	Khá	Quản trị kinh doanh

Số TT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Lớp học	Điểm TN	Xếp loại	Ghi chú
					K9			
116	1551010470	Phạm Võ Thái	Hiên	10/09/1997	QTKDVTHK3-K9	2.25	Trung bình	Quản trị kinh doanh
117	1551010430	Vũ Thanh	Hương	15/03/1997	QTKDVTHK3-K9	2.44	Trung bình	Quản trị kinh doanh
118	1651010471	Lê Thị	Hoa	16/08/1998	QTKDVTHK4-K10	2.4	Trung bình	Quản trị kinh doanh
119	1551010482	Hoàng Thị Lan	Nhi	05/03/1997	QTKDVTHK4-K10	2.34	Trung bình	Quản trị kinh doanh
120	1651010007	Ngô Thanh	Thúy	01/01/1998	QTKDVTHK5-K10	2.61	Khá	Quản trị kinh doanh
121	1631010004	Trần Xuân Trường	Son	13/08/1983	QTVLVH-K8/2016	7.13	Khá	Quản trị kinh doanh

Tổng cộng danh sách này có **121** sinh viên được công nhận tốt nghiệp.

Handwritten signature